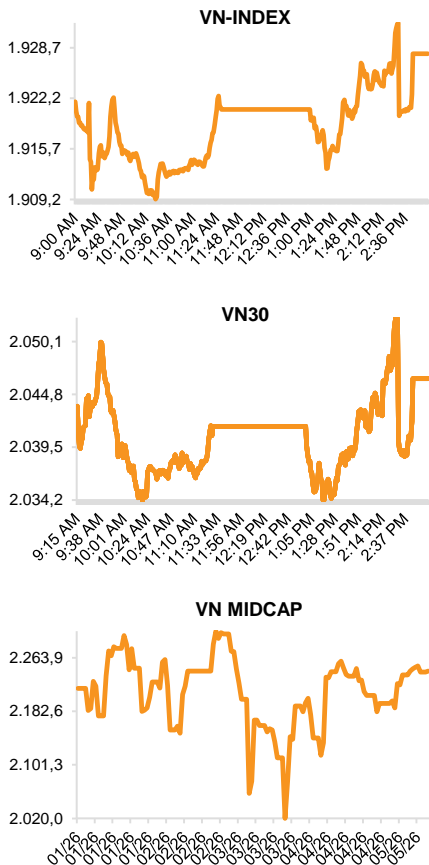


KHÓI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎️ +84 2439724568
✉️ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.927,9	259,3	125,9
1 ngày (%)	0,3	0,7	-0,4
1 tháng (%)	6,1	-0,3	-1,9
Từ 2026	8,0	4,2	4,1
1 năm (%)	48,1	18,5	31,8
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	343	15	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	1,0	1,0	0,5
Số mã tăng	133	79	126
Số mã giảm	180	69	145
Số mã tham chiếu	89	147	470

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index tăng 0,3%, nhóm Viễn thông và Dầu khí dẫn dắt thị trường

Phiên giao dịch ghi nhận sự hồi phục về mặt điểm số khi VN-Index đóng cửa tại 1.927,94 điểm, tăng 6,3 điểm (+0,3%). Áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên khiến chỉ số điều chỉnh giảm điểm do tâm lý thận trọng và hoạt động chốt lời ngắn hạn. Độ rộng thị trường nghiêng về phía giảm với 131 mã tăng, 178 mã giảm và 56 mã đứng giá. Thanh khoản HoSE cải thiện lên 23,8 tỷ đồng, tăng 14,3% so với phiên trước, tín hiệu cho thấy dòng tiền vẫn tích cực tham gia thị trường. HNX-Index đóng cửa tại 259,25 điểm, tăng 1,8 điểm (+0,7%) với 74 mã tăng và 66 mã giảm. VN30 chịu áp lực điều chỉnh nhẹ khi giảm 4,2 điểm (-0,2%), lùi về mức 2.046,4 điểm với 12 mã tăng và 16 mã giảm.

Mười trên mười chín nhóm ngành tăng điểm. Sắc xanh tập trung tại các nhóm ngành hạ tầng và dịch vụ kỹ thuật, trong đó Viễn thông dẫn đầu đà tăng với mức bứt phá mạnh mẽ +7,8%, theo sau là Dầu khí (+5,6%), Bảo hiểm (+4,3%) và Hóa chất (+2,8%), Ngân hàng tăng nhẹ +1,4%. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh xuất hiện rõ rệt nhất tại nhóm Dịch vụ bán lẻ (-2,7%), tiếp đến là Bất động sản (-1,4%) và Y tế (-0,7%), trong khi ngành Xây dựng & Vật liệu ghi nhận mức giảm nhẹ -0,3%.

Khối ngoại bán ròng 606,1 tỷ đồng trên sàn HoSE. Nhóm cổ phiếu bán ròng bao gồm ACB (-170 tỷ), HPG (-135,5 tỷ). Ở chiều mua, tập trung giải ngân tại mã VCB (+231,6 tỷ), tiếp theo là VNM (+97,6 tỷ). Sự phân hóa dòng tiền ngoại cùng đà tăng thanh khoản cho thấy thị trường đang tái cơ cấu danh mục, dịch chuyển vốn sang các nhóm ngành có câu chuyện cơ bản hỗ trợ.

Chúng tôi khuyến nghị: 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VNIndex xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm cho thấy đà phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đà tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,2	178,8	3,6	-0,5	-1,0	-5,6	4,6	66,4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,7	19,8	4,9	-0,3	-2,6	-9,2	11,2	118,7
Năng lượng	2,9	17,4	2,2	5,7	20,6	79,2	146,2	30,1
Tài chính	36,5	12,1	1,8	1,3	3,4	4,8	28,6	43,5
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,4	2,4	-0,3	-3,8	-5,7	0,4	234,7
Công nghiệp	6,9	24,2	4,3	-0,3	1,9	-4,3	39,1	36,1
Công nghệ thông tin	1,6	13,4	3,1	2,4	-2,0	-19,6	-24,3	172,1
Vật liệu xây dựng	5,9	20,1	1,9	1,3	2,8	17,9	26,1	-8,0
Bất động sản	30,7	100,6	8,1	-1,4	15,5	25,1	331,5	-4,2
Dịch vụ tiện ích	4,1	16,2	2,6	2,8	10,3	19,7	37,7	69,7

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tuần 11/5 – 15/5

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Thượng đỉnh Mỹ – Trung kết thúc với một số cam kết kinh tế bao gồm Trung Quốc đồng ý mua 200 máy bay Boeing và ít nhất 17 tỷ USD nông sản Mỹ trong 2026–2028, đồng thời thành lập Hội đồng Thương mại và Đầu tư Mỹ – Trung. Tuy nhiên, đàm phán về thuế quan và công nghệ lõi không đạt tiến triển trong khi Washington trừng phạt ba công ty vệ tinh Trung Quốc, cho thấy căng thẳng công nghệ - an ninh vẫn tồn tại.
- **Mỹ:** CPI tháng 4 tăng 3,8% svck (tháng 3: +3,3%); PPI tăng 6,0% svck (tháng 3: +4,3%); doanh số bán lẻ tăng 4,9% svck (tháng 3: +4,2%), cho thấy áp lực lạm phát vẫn cao trong khi tiêu dùng duy trì tích cực. Thị trường tiếp tục lùi kỳ vọng Fed giảm lãi suất, đẩy lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm lên 4,62%, mức cao nhất kể từ năm 2023.
- **Trung Quốc:** Sản xuất công nghiệp tháng 4 tăng 4,1% svck (tháng 3: +5,7%), thấp nhất kể từ T7/23; doanh số bán lẻ chỉ tăng 0,2% svck (tháng 3: +1,7%), cho thấy nhu cầu nội địa tiếp tục suy yếu. Đầu tư tài sản cố định giảm 1,6% svck, trong khi tỷ lệ thất nghiệp đô thị giảm nhẹ xuống 5,2% (tháng 3: 5,4%).
- **Nhật Bản:** PPI tháng 4 tăng 4,9% svck, cao nhất ba năm do giá dầu và hóa chất tăng mạnh. Kỳ vọng BoJ nâng lãi suất trong tháng 6 tiếp tục đẩy lợi suất TPCP 10 năm lên mức cao nhất trong 29 năm.

Tin vĩ mô trong nước

- Bộ Tài chính soạn thảo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi), đề xuất các cơ chế tiếp cận tài chính mới gồm thí điểm sandbox và cho vay dựa trên dòng tiền, nhằm tháo gỡ điểm nghẽn tín dụng cho khu vực SME hiện chỉ chiếm 19–20% tổng dư nợ toàn nền kinh tế.
- **Tỷ giá:** Tỷ giá LNH ghi nhận xu hướng tăng nhẹ. Kết thúc phiên 15/05, tỷ giá LNH đóng cửa tại 26.356 VND/USD, tăng 47 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Chỉ số DXY giảm 0.1% xuống 99,2 điểm.
- **OMO và lãi suất liên ngân hàng:** Lãi suất LNH tăng nhẹ ở kỳ hạn ngắn (qua đêm: 5,30%; 1 tuần: 5,60%). NHNN hút ròng 6,9 nghìn tỷ đồng qua kênh thị trường mở, dư nợ cầm cố lưu hành ở mức 308,6 nghìn tỷ đồng.
- **Trái phiếu chính phủ:** Lợi suất tăng nhẹ toàn kỳ hạn (5 năm: 3,92%; 10 năm: 4,19%; 15 năm: 4,27%), phản ánh tâm lý thận trọng của thị trường trong bối cảnh lạm phát toàn cầu còn nhiều bất định.

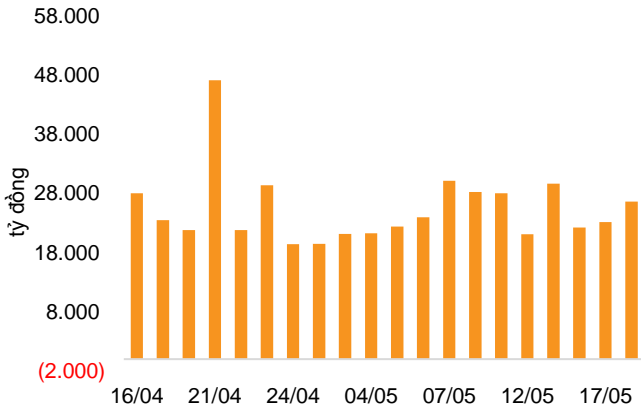
Tin ngành và doanh nghiệp

- **PC1:** Bộ Công an khởi tố và bắt tạm giam Chủ tịch HĐQT Trịnh Văn Tuấn cùng ba lãnh đạo cấp cao, khiến công ty chậm công bố BCTC Q1/26.
- **VinErgo:** Tăng vốn điều lệ lên 79,9 nghìn tỷ đồng (+51,6 nghìn tỷ đồng), vượt vốn điều lệ của Vingroup sau đợt huy động từ nhà đầu tư tư nhân trong nước.
- **VPG:** Doanh thu Q1/26 giảm 96% svck, lỗ ròng 32 tỷ đồng do hai mảng cốt lõi không ghi nhận doanh thu; đồng thời đối mặt áp lực nợ vay và cường chế thuế.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

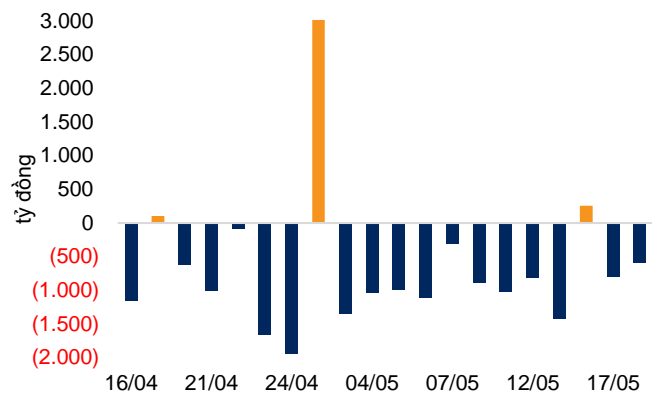
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 18/05/2026	Trung Quốc	Dữ liệu kinh tế tháng 4
Thứ Tư, 20/05/2026	Mỹ	Công bố biên bản họp FOMC tháng 4
Thứ Năm, 21/05/2026	Mỹ	PMI sản xuất & dịch vụ tháng 5

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



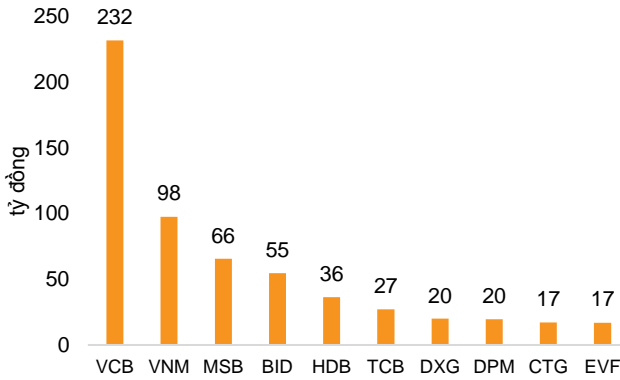
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



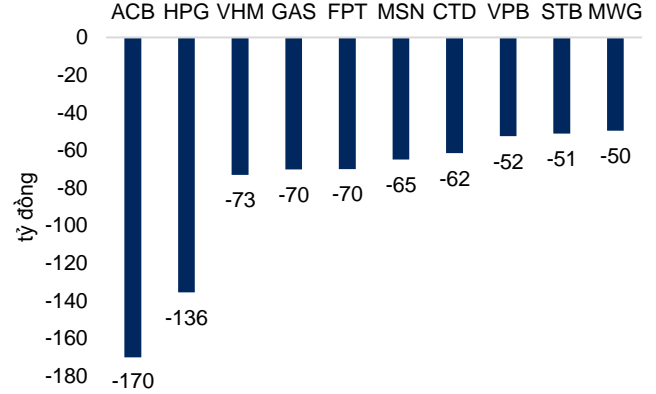
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIIPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



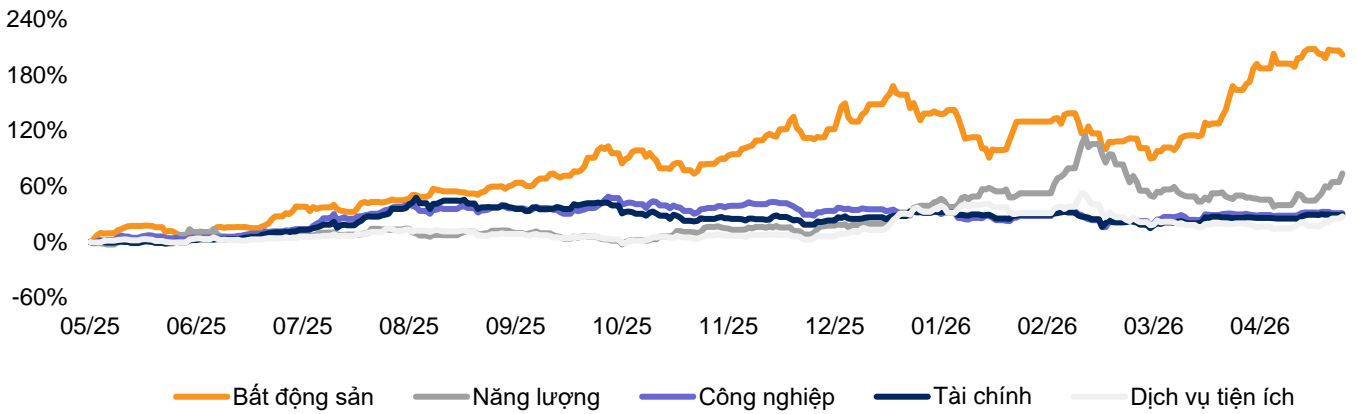
Nguồn: FIIPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-0,1%	4,1%	19,2	1,6	-11,4%	2,3%	155.827	1,5%	17.878	0,3%	6,1%
Ấn Độ	NSE500 Index	-0,6%	-6,2%	24,0	3,3	14,9%	1,2%	10.838	6,9%	-23.008	-3,3%	-11,3%
Indonesia	JCI Index	-1,8%	-23,7%	15,8	1,8	11,9%	3,8%	987	6,7%	-2.415	-2,8%	-7,0%
Singapore	FSTAS Index	0,0%	7,5%	17,8	1,5	9,0%	4,4%	1.588	1,9%	1.140	-0,7%	1,2%
Malaysia	FBME Index	-0,7%	4,1%	16,9	1,5	8,3%	3,7%	731	3,4%	291	-0,5%	8,0%
Philippines	PCOMP Index	-0,5%	-3,4%	7,5	0,5	6,4%	3,8%	102	5,8%	-67	-2,8%	-9,8%
Thái Lan	SET Index	-0,1%	20,4%	12,8	1,4	9,0%	4,4%	2.053	1,5%	780	-1,7%	1,6%
Việt Nam	VN-Index	0,3%	8,0%	15,7	2,2	15,1%	1,5%	907	4,0%	-1.956	-0,1%	-1,6%

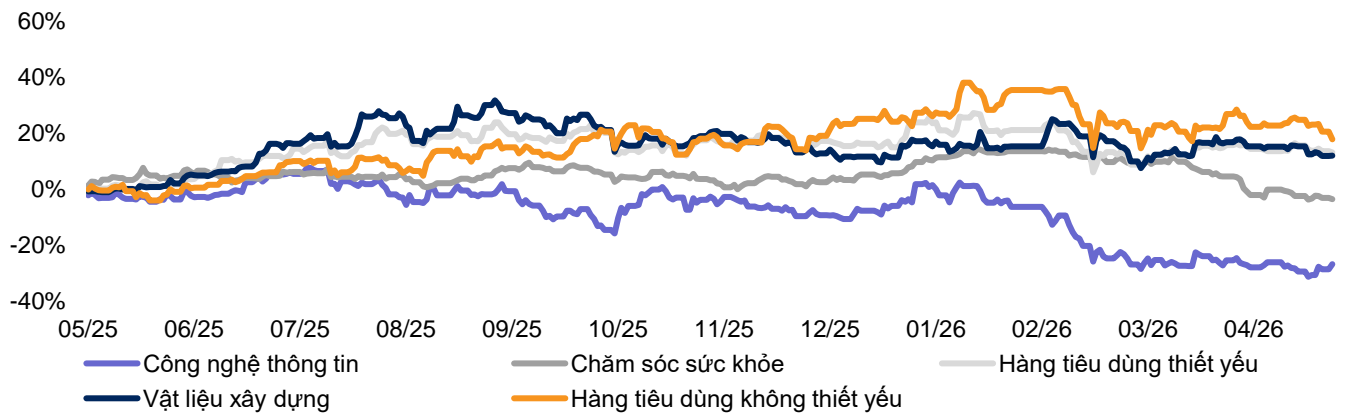
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



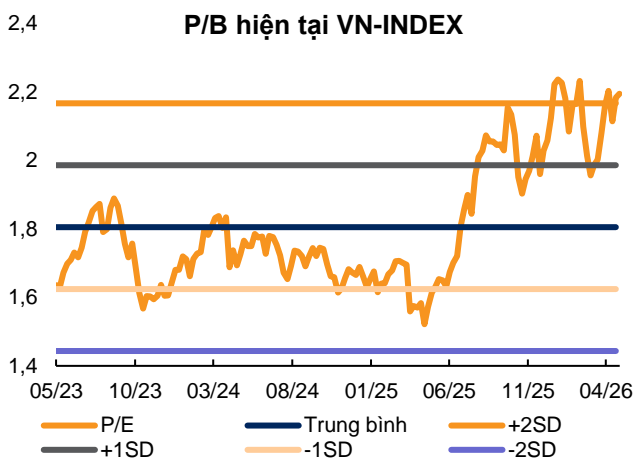
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



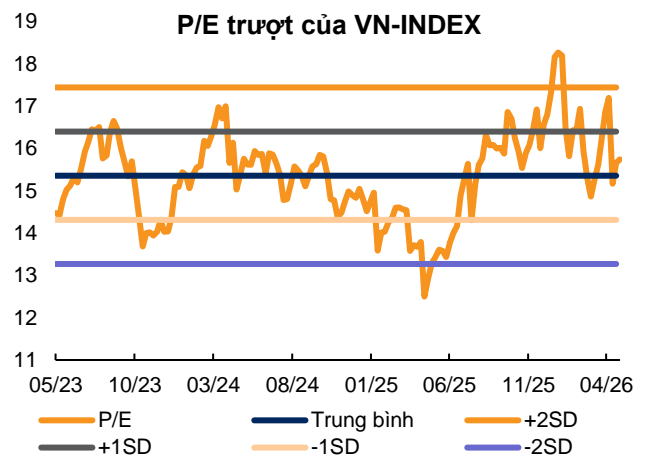
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



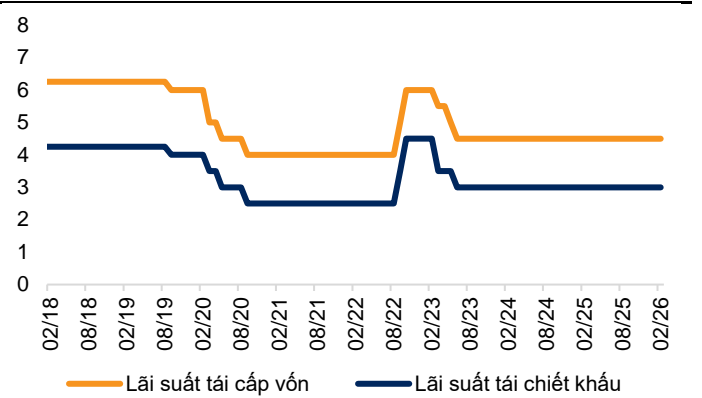
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,05	-0,1	-0,6	24,3	65,4
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	5,78	11,2	41,0	250,3	54,1
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,53	-1,2	-5,8	-20,8	50,1
USD/VND	26.357	0,0	-0,1	-0,2	-1,6
DXY	99,16	-0,1	1,1	0,9	-1,9
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,60	0,1	8,2	10,3	2,7
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,14	0,1	11,2	17,0	4,0

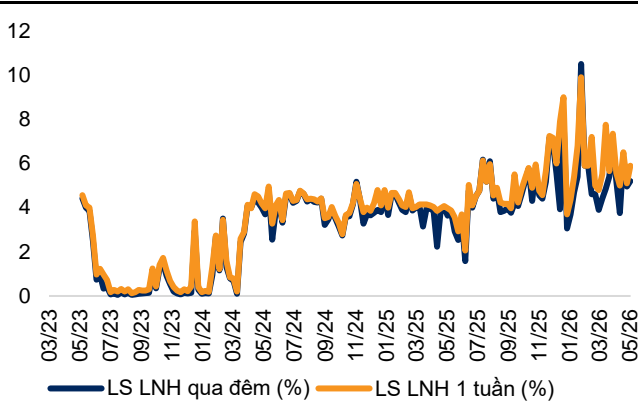
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



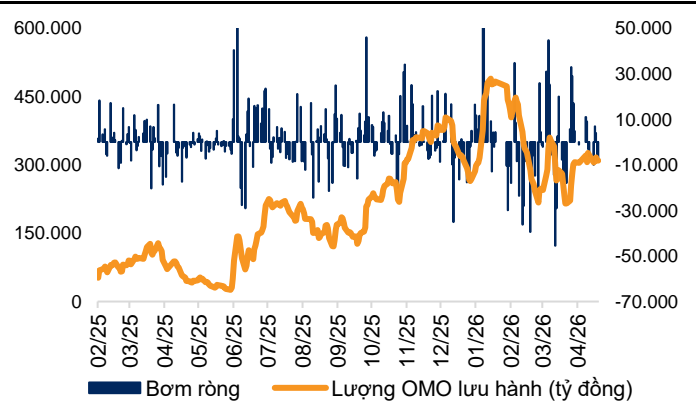
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



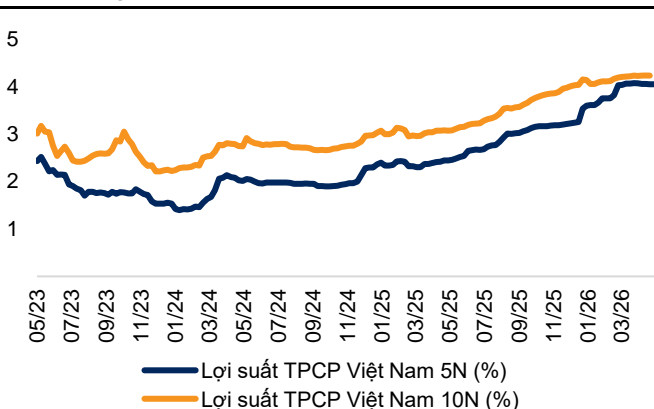
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



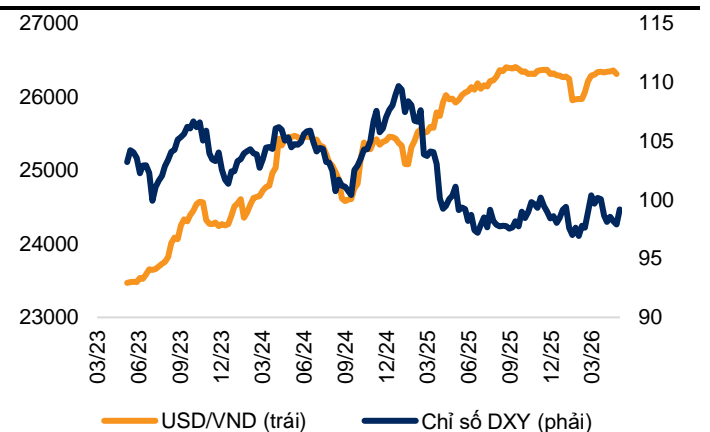
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	1,3%	27,4%	71,0%
Brent Crude	1,1%	22,2%	68,9%
JKM LNG	6,5%	19,4%	75,5%
Henry Hub LNG	5,1%	31,8%	66,3%
NW Thermal Coal	4,0%	4,0%	-9,7%
Singapore Platt FO	2,1%	7,7%	62,4%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-0,3%	-6,3%	42,8%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	-2,8%	-8,4%	133,2%
Bạch kim	-0,5%	-6,7%	100,1%

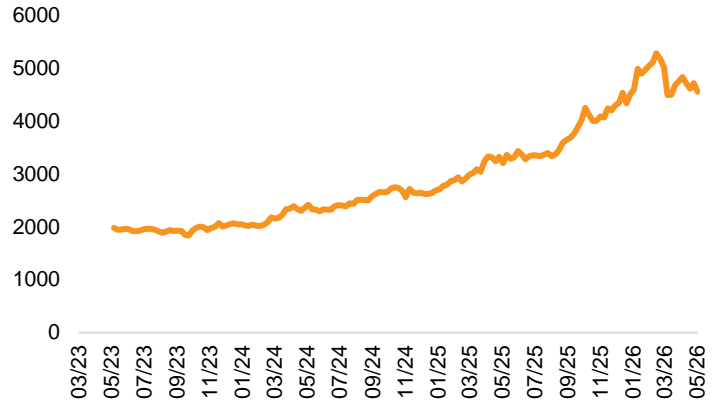
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	0,0%	596,3%
Đồng	-0,9%	1,3%	36,0%
Nhôm	-3,0%	-0,6%	45,7%
Niken	-2,2%	1,7%	17,3%
Kẽm	-0,8%	2,7%	9,3%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,2%	2,2%	-2,5%
Quặng sắt	-1,1%	3,3%	3,8%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	-0,7%	12,5%	-2,6%
Arabica	-3,3%	-6,5%	-26,1%
Đường	0,1%	11,3%	-15,4%
Cacao	-2,2%	22,8%	-64,1%
Dầu cọ	2,4%	1,7%	NA
Bông	1,4%	5,6%	26,0%
Sữa bột	-0,1%	0,5%	-8,8%
Lúa mì	3,1%	10,9%	24,9%
Đậu tương	2,1%	2,9%	14,4%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	0,9%	7,5%	26,1%
Urê	-9,5%	-14,5%	77,7%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-0,8%	8,9%	-1,9%
Gia súc	0,7%	0,5%	20,2%

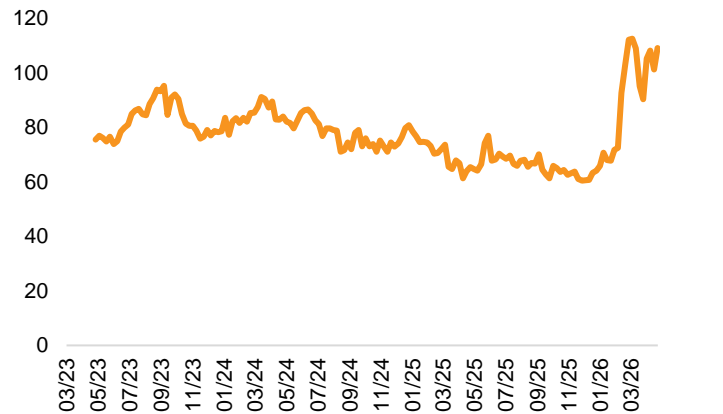
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6.130	2,1	2.889	45.100	73.300	63,7%	1,2%	15,1	2,2	16%
AST	123	0,0	4	72.000	85.400	22,1%	3,5%	11,0	4,7	47%
HVN	2.509	1,2	544	21.250	43.400	107,2%	2,9%	8,4	11,1	
VJC	3.841	8,4	910	171.100	113.600	-33,0%	0,6%	38,8	3,9	11%
Bán lẻ										
BAF	401	2,7	189	34.800	37.200	6,9%		55,0	2,6	4%
DGW	352	3,8	93	42.000	49.600	20,5%	2,4%	14,4	2,6	19%
FRT	866	2,4	149	134.000	150.300	12,4%	0,3%	25,0	5,1	28%
MCH	6.483	2,0		132.000	147.000	12,9%	1,5%	24,9	9,9	42%
MWG	4.401	23,7	-2	79.000	96.300	23,2%	1,3%	14,2	3,3	25%
PNJ	1.256	5,6	10	64.700	109.900	70,9%	1,0%	9,5	2,3	28%
QNS	681	0,3	277	48.800	53.400	13,5%	4,1%	8,0	1,4	18%
SAB	2.355	1,6	978	48.400	59.900	30,0%	6,2%	13,3	2,8	21%
VHC	502	2,5		59.000	71.300	24,2%	3,4%	8,9	1,3	16%
VNM	4.797	13,1	2.453	60.500	74.800	28,3%	4,7%	13,7	3,8	28%
Tài chính										
ACB	4.482	11,9	202	23.000	31.300	39,9%	3,8%	7,3	1,2	18%
BID	12.512	13,4	1.554	45.300	47.200	5,2%	1,0%	10,3	1,8	18%
CTG	10.697	13,3	514	36.300	49.000	35,8%	0,9%	7,4	1,5	22%
HDB	5.213	14,0	271	27.450	39.500	46,2%	2,3%	7,5	1,7	25%
LPB	5.928	2,9	240	52.300	33.400	-30,4%	5,7%	14,0	3,2	23%
MBB	7.793	19,3	20	25.500	32.900	31,0%	2,0%	7,4	1,4	21%
STB	5.157	22,4	915	72.100	45.700	-35,8%	0,9%	17,7	2,2	8%
TCB	9.141	16,2	7	34.000	40.300	20,6%	2,1%	9,2	1,4	16%
TPB	1.631	8,0	97	15.500	17.800	21,0%	6,1%	5,8	1,0	18%
VCB	20.036	19,6	2.004	63.200	69.300	10,4%	0,7%	14,7	2,3	16%
VIB	2.079	3,8	4	16.100	23.600	52,2%	5,6%	7,2	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.263	17,1	448	27.450	37.100	37,0%	1,8%	8,3	1,3	16%
Dệt may										
MSH	151	0,6	64	35.300	40.600	17,8%	2,8%	6,5	2,1	33%
TCM	97	1,0	2	22.900	29.800	32,3%	2,2%	11,1	1,0	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.207	1,5	730	56.200	68.600	24,0%	2,0%	17,3	2,7	16%
GMD	1.290	5,9	93	79.700	72.000	-6,9%	2,8%	19,5	2,5	13%
HAH	368	4,6	80	57.400	55.400	-2,1%	1,3%	8,0	2,1	27%
VSC	305	6,8	146	21.450	19.100	-8,6%	2,3%	29,3	1,6	6%
IDC	616	4,5	198	42.800	45.600	10,0%	3,5%	8,7	2,4	31%
KBC	1.145	4,9	462	32.050	30.000	-5,2%	1,2%	19,5	1,2	7%
PHR	361	1,0	126	70.300	68.400	-0,8%	1,9%	14,4	2,2	16%
VTP	447	1,7	201	68.200	129.200	90,6%	1,2%	32,4	6,4	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	744	12,2	326	51.600	128.300	154,5%	5,8%	7,9	1,3	17%
HPG	7.703	43,7	2.057	26.450	30.000	15,3%	1,9%	9,6	1,5	16%
Dầu khí										
BSR	6.355	21,6	3.014	33.450	16.700	-48,8%	1,3%	12,8	2,4	21%
GAS	8.514	9,3	3.993	93.000	78.400	-13,5%	2,2%	19,3	3,2	18%
OIL	667	4,4	41	17.000	14.800	-11,5%	1,5%	49,6	1,7	3%
PLX	2.177	11,0	120	45.150	47.700	8,3%	2,7%	33,0	2,2	10%
PVD	755	8,9	295	35.800	32.600	-2,0%	7,0%	17,0	1,2	7%
PVS	825	12,8	270	42.500	41.800	-0,1%	1,5%	11,2	1,4	13%
PVT	451	10,0	160	25.300	23.400	-6,6%	0,9%	10,4	1,3	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	726	10,4	326	28.150	22.700	-16,3%	3,1%	16,7	1,6	11%
DCM	904	9,7	351	45.000	40.000	-6,7%	4,4%	11,6	2,1	19%
DDV	151	1,9	69	27.300	39.700	48,7%	3,3%	6,3	1,8	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	75	0,6	36	24.400	34.100	41,8%	2,0%	#N/A N/A	1,5	9%
Điện										
POW	1.664	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	343	2,8	109	24.450	37.400	55,0%	2,0%	13,6	1,3	10%
PC1	275	9,0	103	17.650	26.500	50,1%	0,0%	7,9	1,1	15%
REE	1.248	3,1	0	52.800	76.600	46,7%	1,6%	12,5	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	671	10,1	197	15.900	18.300	27,7%	12,6%	74,8	1,2	2%
KDH	988	4,5	237	23.200	41.800	81,4%	1,3%	23,2	1,4	6%
NLG	482	3,6	46	26.200	42.200	62,8%	1,7%	19,4	1,0	6%
VHM	23.999	28,9	10.124	154.000	93.600			9,8	2,4	28%
VRE	2.854	8,5	1.027	33.100	32.000	-0,2%	3,2%	10,9	1,5	15%
Công nghệ										
FPT	4.841	37,5	965	74.900	118.200	59,1%	1,3%	13,2	3,3	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA